

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 96/2025/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn
tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 27/2024/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP, Nghị định số 227/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 551/TTr-SNNMT ngày 20 tháng 10 năm 2025; văn bản số 11268/SNNMT-KL ngày 11 tháng 11 năm 2025; báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 316/BC-STP ngày 25 tháng 9 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này. Trường hợp các quy định của pháp luật được viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2025.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Văn Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 96/2025/QĐ-UBND ngày 19/11/2025)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định một số nội dung liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b) Các nội dung khác có liên quan đến phòng cháy, chữa cháy rừng không quy định trong văn bản này thì áp dụng theo các quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 27/2024/NĐ-CP, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP, Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm và các văn bản pháp luật, quy trình kỹ thuật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài; cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố, có liên quan đến hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Nguyên tắc phòng cháy và chữa cháy rừng

1. Phòng cháy và chữa cháy rừng phải lấy hoạt động phòng ngừa là chính; chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời cháy rừng.

2. Chủ động, sẵn sàng nhân lực, nguồn lực, phương tiện, trang thiết bị cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng; phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng.

3. Thông tin về dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng phải được thông báo nhanh chóng, kịp thời cho chủ rừng, chính quyền địa phương và các cơ quan chịu trách nhiệm về phòng cháy và chữa cháy rừng.

4. Thực hiện phương châm 4 tại chỗ, bao gồm: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ.

5. Chỉ đạo, chỉ huy thống nhất; phối hợp chặt chẽ các lực lượng tham gia chữa cháy rừng.

6. Trong quá trình chữa cháy rừng đảm bảo an toàn theo thứ tự ưu tiên: người, tài sản, các công trình, phương tiện, thiết bị tham gia chữa cháy rừng.

Điều 3. Phương châm và yêu cầu trong phòng cháy, chữa cháy rừng

1. Phương châm: Phòng cháy rừng là chính, chữa cháy rừng phải khẩn trương, kịp thời, triệt để và an toàn.

2. Yêu cầu trong phòng cháy, chữa cháy rừng.

a) Hạn chế đến mức thấp nhất và loại bỏ nguồn lửa gây cháy rừng, khả năng bén lửa của vật liệu cháy, dập tắt kịp thời đám cháy khi mới phát sinh; chấm dứt nhanh sự lan tràn của đám cháy, bảo đảm an toàn cho lực lượng và phương tiện chữa cháy rừng.

b) Ủy ban nhân dân các cấp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phải chỉ đạo thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc phạm vi quản lý.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG VÀ TỔ CHỨC CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 4. Phân cấp dự báo cháy rừng

1. Phương pháp áp dụng chỉ số I của Angstrom (là chỉ số xác định khả năng xuất hiện cháy rừng). Chỉ số I được tính theo công thức:

$$I = \frac{R}{20} + \frac{(27 - T)}{10}$$

Trong đó:

I: là chỉ số xác định khả năng cháy rừng.

T: là nhiệt độ lúc 13 giờ 00, đơn vị là °C.

R: là độ ẩm lúc 13 giờ 00, đơn vị là %.

2. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng

Cấp cháy	Chỉ tiêu I	Đặc trưng về cháy rừng
I	$I > 4.0$	Ít có khả năng cháy
II	$2.8 < I \leq 4.0$	Có khả năng cháy
III	$2.0 < I \leq 2.8$	Nhiều khả năng cháy

IV	$1.4 < I \leq 2.0$	Nguy hiểm
V	$I \leq 1.4$	Cực kỳ nguy hiểm

Điều 5. Thông tin cấp dự báo cháy rừng

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm) tổ chức dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng và phát hiện sớm điểm cháy rừng; phối hợp với các cơ quan liên quan, Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh và các phương tiện thông tin đại chúng khác để đưa tin, cảnh báo cháy rừng. Trường hợp cấp dự báo cháy rừng đạt cấp IV và cấp V thì cung cấp thông tin cho Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh và các phương tiện thông tin đại chúng khác để đưa, phát bản tin cấp dự báo cháy rừng liên tục trong ngày.

2. Cơ quan truyền thông xã, phường, đặc khu phối hợp với cơ quan Kiểm lâm trên địa bàn tổ chức cung cấp thông tin cấp dự báo cháy rừng và biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng kịp thời liên tục trên sóng phát thanh, truyền hình địa phương khi cấp dự báo cháy rừng đạt cấp IV và cấp V.

Điều 6. Tổ chức các biện pháp phòng cháy

1. Khi dự báo ở Cấp I: Khả năng cháy rừng thấp, trên biển báo mũi tên chỉ số I:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự (viết tắt là Ban chỉ huy) cấp xã và các chủ rừng phối hợp với lực lượng Kiểm lâm triển khai phương án phòng cháy, chữa cháy rừng.

b) Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn xác định phân vùng nguy cơ cháy rừng, tuyên truyền giáo dục về phòng cháy, chữa cháy rừng và xử lý thực bì trồng rừng đúng kỹ thuật.

2. Khi dự báo đến Cấp II: Khả năng cháy rừng ở mức trung bình, trên biển báo mũi tên chỉ số II.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo triển khai công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; Ban Chỉ huy cấp xã tham mưu, tổ chức lực lượng canh phòng, trực, tiếp nhận và báo tin, kiểm tra, việc bố trí người trực tại khu vực có nguy cơ cháy cao. Các chủ rừng và các đội xung kích tăng cường tuần tra, sẵn sàng ứng cứu ngay từ đầu; người dân xử lý thực bì trồng rừng phải đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Khi dự báo đến Cấp III: Cấp cao, thời tiết khô hanh kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng, trên biển báo mũi tên chỉ số III.

a) Ban chỉ huy cấp xã, các chủ rừng và các tổ chức cá nhân liên quan trên địa bàn chủ động tập trung phòng cháy các loại rừng có nguy cơ cháy cao (như rừng thông, keo, bạch đàn, tre, nứa...) và những khu vực có thảm thực bì dày, gần khu dân cư/đường giao thông/công trình trọng điểm hoặc có nguy cơ cháy

lan trên diện rộng.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo triển khai phòng cháy, chữa cháy rừng; Ban Chỉ huy cấp xã tham mưu, tổ chức lực lượng tuần tra, trực canh, tiếp nhận và báo tin; Kiểm lâm sở tại hướng dẫn, đôn đốc các chủ rừng thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng.

c) Các chủ rừng phải thường xuyên canh phòng, đặc biệt đối với những vùng trọng điểm dễ cháy.

d) Ban chỉ huy các xã, lực lượng Kiểm lâm sở tại, chủ rừng, bố trí lực lượng canh phòng, trực 10/24 giờ trong ngày (từ 10 giờ 00 đến 20 giờ 00 trong ngày), đặc biệt chú trọng trong các giờ cao điểm.

đ) Khi xảy ra cháy rừng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã huy động mọi lực lượng, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy rừng.

4. Khi dự báo đến Cấp IV: Cấp nguy hiểm, thời tiết khô hanh, kéo dài có nguy cơ xảy ra cháy rừng lớn, tốc độ lửa lan tràn nhanh, trên biển báo mũi tên chỉ số IV.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp chỉ đạo triển khai phương án phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn quản lý.

b) Các chủ rừng và lực lượng Kiểm lâm có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra nghiêm ngặt trên các vùng trọng điểm dễ cháy trên địa bàn để theo dõi, tổng hợp báo cáo Ban chỉ huy cấp xã chủ động biện pháp phòng ngừa.

c) Lực lượng canh phòng phải thường tuần tra quan sát thông qua các trang thiết bị hỗ trợ (Tháp quan trắc, thiết bị bay...), ứng trực 12/24 giờ (từ 9 giờ 00 đến 21 giờ 00 trong ngày) nhất là các giờ cao điểm, phát hiện kịp thời điểm cháy, báo động và huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ dập tắt ngay.

d) Khi đám cháy vượt tầm kiểm soát của lực lượng, phương tiện cấp xã, Ban chỉ huy cấp xã lập báo cáo và chuyển ngay thông tin qua tổng đài 112. Cơ quan Thường trực Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh) tiếp nhận, tổng hợp, thông báo Sở Nông nghiệp và Môi trường và tham mưu Trưởng ban (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định việc huy động lực lượng, phương tiện, tài sản cấp tỉnh.

đ) Lực lượng kiểm lâm có trách nhiệm cung cấp thông tin hàng ngày cho Ban chỉ huy cấp xã về cấp cháy và tình hình cháy rừng liên tục hàng ngày ở địa phương.

5. Khi dự báo đến Cấp V: Cấp cực kỳ nguy hiểm, thời tiết khô, hạn, kiệt kéo dài, có khả năng cháy lớn ở tất cả các loại rừng và tốc độ lửa lan rất nhanh, trên biển báo mũi tên chỉ số V.

a) Trưởng ban Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an, Bộ Chỉ huy quân sự, Ủy ban nhân dân cấp xã và chủ rừng triển khai ngay các biện pháp phòng: công bố cấp cảnh báo V và thường trực canh 24/24; tạm dừng mọi hoạt động sử dụng

lửa trong và ven rừng (đốt thực bì, thấp hương, đốt vàng mã...); kiểm soát chặt người, phương tiện vào rừng theo thẩm quyền; tăng cường tuần tra tại khu vực trọng điểm (rừng thông, keo, bạch đàn, thảm thực bì dày, gần khu dân cư/đường giao thông/công trình trọng điểm); chủ rừng bố trí chốt trực, phương tiện, vật tư, sẵn sàng; thông tin liên tục cấp dự báo và khuyến cáo an toàn trên phương tiện truyền thông, hệ thống truyền thanh cơ sở; vi phạm, nguy cơ cao phải báo ngay qua 112 để xử lý kịp thời.

b) Lực lượng Kiểm lâm sở tại chủ trì, phối hợp với lực lượng Công an cấp xã, Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tăng cường kiểm tra nghiêm ngặt trên các vùng trọng điểm cháy, đảm bảo 24/24 giờ trong ngày, tăng cường kiểm tra người và phương tiện vào rừng theo thẩm quyền.

c) Ban chỉ huy các cấp thông báo thường xuyên liên tục về cấp dự báo cháy rừng trên các phương tiện thông tin đại chúng và các quy định, biện pháp an toàn sử dụng lửa trong rừng và ven rừng.

d) Khi có cháy rừng xảy ra: Cơ quan Thường trực Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh) tiếp nhận, tổng hợp, thông báo Sở Nông nghiệp và Môi trường và tham mưu Trưởng ban (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định việc huy động lực lượng, phương tiện cấp tỉnh, tổ chức triển khai phối hợp với các lực lượng chữa cháy trên địa bàn, cơ động nhanh đến hiện trường, ứng cứu kịp thời; phối hợp với các cơ quan liên quan điều tra, xác minh, truy tìm thủ phạm gây cháy rừng và xử lý theo quy định (có thể ủy quyền Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Phó Trưởng ban chỉ huy hiện trường). Các lực lượng nhận được lệnh phải huy động lực lượng, phương tiện khẩn trương, cơ động đến ngay hiện trường chữa; khi đám cháy có nguy cơ vượt tầm kiểm soát của các lực lượng, phương tiện cấp tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tổng hợp, tham mưu để Trưởng ban báo cáo, đề nghị Trung ương chi viện lực lượng, phương tiện.

Điều 7. Tổ chức lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng các cấp

1. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng cấp tỉnh

a) Chi cục Kiểm lâm (Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng); Lực lượng Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ); Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; các đơn vị Quân đội đóng quân trên địa bàn, các lực lượng khác được người có thẩm quyền huy động theo quy định của pháp luật tham gia chữa cháy rừng.

b) Trong trường hợp cháy rừng vượt quá khả năng kiểm soát của tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và cơ quan thường trực Ban chỉ huy (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh) báo cáo Trưởng Ban chỉ huy cấp tỉnh để báo cáo Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự Quốc gia chi viện lực lượng, phương tiện cho địa phương tham gia chữa cháy rừng.

2. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng cấp xã

a) Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Công an cấp xã, lực lượng Dân quân tự vệ,

Kiểm lâm làm việc tại các xã, phường, đặc khu, các tổ, đội bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng của thôn, tổ dân phố và các lực lượng khác được người có thẩm quyền huy động phối hợp tham gia chữa cháy khi có lệnh huy động của cơ quan/người có thẩm quyền.

b) Khi nhận được tin báo cháy rừng hoặc đề nghị hỗ trợ chữa cháy rừng của chủ rừng, Ban Chỉ huy cấp xã có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Trường ban) huy động lực lượng, phương tiện, dụng cụ tại địa phương tham gia chữa cháy. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chỉ đạo lực lượng Công an chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan điều tra, xác minh, truy tìm thủ phạm gây cháy rừng và xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Trong trường hợp cháy rừng vượt tầm kiểm soát của cấp xã, Trưởng Ban Chỉ huy cấp xã trực tiếp báo cáo hoặc chỉ đạo Ban chỉ huy cấp xã lập báo cáo và chuyển ngay thông tin qua tổng đài 112 về Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy cấp tỉnh đề nghị hỗ trợ tăng cường lực lượng, phương tiện phối hợp chữa cháy rừng.

3. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng của chủ rừng

a) Chủ rừng phải tự bố trí kinh phí cho các hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng và tổ chức lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật. Các chủ rừng là tổ chức phải thành lập các tổ, đội bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng của đơn vị và bảo đảm kinh phí, trang bị phương tiện và các điều kiện để duy trì hoạt động của tổ, đội phòng cháy, chữa cháy rừng trực thuộc đơn vị quản lý.

b) Khi xảy ra cháy rừng, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm chỉ huy, tổ chức điều động lực lượng, phương tiện, dụng cụ của đơn vị tham gia chữa cháy rừng; thông tin cho tổ, đội bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng tại thôn, tổ dân phố để phối hợp chữa cháy rừng; trong trường hợp đám cháy lớn có nguy cơ vượt tầm kiểm soát của đơn vị, chủ rừng phải báo cáo Ban Chỉ huy cấp xã để tổ chức huy động lực lượng, phương tiện phối hợp, tham gia chữa cháy rừng; đồng thời Ban Chỉ huy cấp xã báo cáo Ban Chỉ huy cấp tỉnh (qua cơ quan thường trực) để theo dõi chỉ đạo.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, lực lượng vũ trang đóng trong rừng hoặc có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong rừng, ven rừng phải có trách nhiệm thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ chuyên môn phòng cháy, chữa cháy rừng của Ban Chỉ huy.

Điều 8. Hệ thống thông tin liên lạc

1. Ban Chỉ huy các cấp bảo đảm hệ thống thông tin liên lạc thống nhất, thường xuyên, từ cấp tỉnh đến cấp xã; cập nhật danh bạ đầu mối (Trường ban, cơ quan Thường trực, thủ trưởng đơn vị, Kiểm lâm địa bàn, chủ rừng). Tổng đài 112 là kênh tiếp nhận thống nhất, trực 24/7 và liên thông 113/114/115.

2. Ban Chỉ huy các cấp phân công, phân nhiệm cụ thể cơ quan thường trực Ban Chỉ huy tiếp nhận và xử lý thông tin về phòng cháy, chữa cháy rừng để duy trì thông tin liên hệ và kịp thời xử lý khi có tình huống cháy rừng xảy ra.

Điều 9. Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy rừng

1. Hằng năm, lực lượng bảo vệ rừng của cơ sở, các tổ, đội quần chúng phòng cháy, chữa cháy rừng phải thực tập, huấn luyện theo phương án đã được phê duyệt, tùy theo từng cấp, từng đối tượng để có phương pháp thích hợp. Một số nội dung chính cần thiết trong đào tạo, thực tập, huấn luyện như sau:

a) Các chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

b) Kỹ thuật phòng cháy, chữa cháy rừng; phương pháp sử dụng các dụng cụ, phương tiện, thiết bị cơ giới và các ứng dụng công nghệ mới trong phòng cháy, chữa cháy rừng; khắc phục hậu quả của cháy rừng (trong đó có cả nghiệp vụ điều tra, pháp chế).

c) Năng lực chỉ huy, kỹ thuật phòng cháy, chữa cháy rừng.

d) Kỹ năng công tác cộng đồng và tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phòng cháy, chữa cháy rừng.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm) có trách nhiệm tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy rừng chuyên ngành; lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng và lực lượng bảo vệ rừng của cơ sở.

3. Công an tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn và phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm) thực hiện những quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Việc huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng thực hiện theo quy định.

Điều 10. Quản lý sản xuất lâm nghiệp, hoạt động xử lý thực bì

1. Ưu tiên, khuyến khích người dân và chủ rừng xử lý thực bì bằng biện pháp không đốt (không sử dụng lửa).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức quản lý hoạt động xử lý thực bì để phục vụ sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn.

3. Cơ quan Kiểm lâm trên địa bàn phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp xã, đơn vị liên quan, hướng dẫn kỹ thuật xử lý thực bì đúng quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức ký cam kết bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng đối với các hộ dân có hoạt động sản xuất lâm nghiệp đặc biệt là các khu vực đã khoanh vùng trọng điểm có nguy cơ cháy cao, rừng trồng các loài cây dễ cháy; tuyên truyền cho người dân biết những quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

5. Một số quy định cụ thể trong xử lý thực bì

a) Khi phát dọn thực bì phải phát dọn toàn bộ, phơi khô và vun thành dải rộng 2 - 3 m, khoảng cách các dải là 5 - 6 m; làm bằng cản lửa khép kín ranh giới xử lý thực bì, chiều rộng băng 6 - 8 m.

b) Không đốt vào những ngày có dự báo nguy cơ cháy rừng ở cấp IV, cấp V. Trong ngày, tiến hành đốt lúc gió nhẹ vào chiều tối hoặc sáng sớm (trước 09 giờ 00 phút buổi sáng và sau 16 giờ 00 phút buổi chiều), đốt lần lượt từng dải, thứ tự từ trên sườn đồi xuống chân đồi.

c) Trước khi đốt phải thông báo với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, tổ đội phòng cháy, chữa cháy rừng và Kiểm lâm làm việc tại xã, phường, đặc khu. Chỉ được phép đốt xử lý thực bì khi đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy rừng.

d) Trong khi đốt phải bố trí người canh gác, có đủ dụng cụ để dập lửa khi cháy lan vào rừng; sau khi đốt xong phải dập tắt hết tàn lửa.

đ) Trong điều kiện thời tiết nắng nóng, khô hanh kéo dài, có thông tin dự báo cháy rừng từ cấp III trở lên, chính quyền địa phương phải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tuyên truyền chủ rừng hạn chế đốt xử lý thực bì.

e) Một số phương pháp xử lý thực bì không sử dụng lửa (áp dụng ở những nơi địa hình có độ dốc lớn hoặc khi sử dụng lửa có thể gây ra nguy cơ cháy rừng cao):

- Phương pháp xử lý thực bì bằng cách để mục theo băng: Thực bì sau khi phát để khô rụng hết lá, băm nhỏ dọn thành băng theo đường đồng mức, sao cho không ảnh hưởng đến việc làm đất trên băng trồng cây sau này;

- Phương pháp xử lý thực bì bằng biện pháp băm nhỏ rải đều để mục: Thực bì sau khi phát dọn để trồng rừng, để khô rụng lá sau đó được băm nhỏ rải đều trên toàn diện tích trồng;

- Phương pháp xử lý bằng biện pháp thu gom: Thực bì sau khi phát dọn để trồng rừng, để khô rụng hết lá. Cành nhánh sau đó được thu gom thành từng đồng vụn chuyển đi nơi khác.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 11. Trách nhiệm chữa cháy rừng, tham gia chữa cháy rừng

1. Chữa cháy rừng là trách nhiệm của toàn dân.

2. Chủ rừng, Đội phòng cháy, chữa cháy rừng nơi gần nhất, các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội, chính quyền địa phương sở tại, cơ quan liên quan có nhiệm vụ chữa cháy, tham gia chữa cháy rừng theo quy định:

a) Lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng khi nhận được lệnh huy động phải kịp thời điều động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy.

b) Các cơ quan y tế, điện lực, cấp nước và các cơ quan liên quan khi nhận được lệnh huy động phải kịp thời điều động người và phương tiện tham gia chữa cháy rừng.

c) Lực lượng công an, dân quân tự vệ, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có trách nhiệm tổ chức giữ gìn trật tự, bảo vệ khu vực chữa cháy và tham gia chữa cháy rừng.

Điều 12. Phối hợp trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng

1. Khi xảy ra cháy rừng, nhận được lệnh huy động, các lực lượng: Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, Kiểm lâm, Quân đội và các lực lượng khác tham gia chữa cháy rừng theo phương án và chỉ đạo, chỉ huy của người có thẩm quyền theo quy định; kiểm tra, xác minh và điều tra, xử lý các vụ cháy rừng theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã báo cáo kịp thời qua tổng đài 112 tình hình đám cháy để cấp trên theo dõi, chỉ đạo. Khi đám cháy có nguy cơ vượt tầm kiểm soát, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Trưởng ban) trực tiếp báo cáo hoặc chỉ đạo Ban chỉ huy cấp xã báo cáo Cơ quan thường trực Ban chỉ huy cấp tỉnh đề nghị chi viện lực lượng, phương tiện và chuyển đầy đủ thông tin qua tổng đài 112.

3. Khi nhận báo cáo/đề nghị chi viện, Cơ quan Thường trực Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh) tiếp nhận qua tổng đài 112, tổng hợp, thông báo Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan chủ trì lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng) và tham mưu Trưởng ban (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định việc huy động lực lượng, phương tiện cấp tỉnh; khi cần thiết Trưởng Ban chỉ huy có thể ủy quyền giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phó Trưởng ban) chỉ huy hiện trường.

4. Các lực lượng ngay khi nhận được lệnh huy động của cơ quan/người có thẩm quyền phải khẩn trương, cơ động đến nơi xảy ra cháy rừng và tích cực phối hợp, tham gia chữa cháy rừng.

5. Thẩm quyền huy động và trình tự thực hiện

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh huy động lực lượng, phương tiện và tài sản trong phạm vi toàn tỉnh quản lý tham gia chữa cháy rừng thực hiện theo trình tự sau:

- Bước 1: Khi xác định tình huống cháy rừng cần thiết phải huy động lực lượng, phương tiện và tài sản thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để hỗ trợ chữa cháy rừng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo, tham mưu, đề xuất hoặc thông báo, phối hợp với cơ quan thường trực Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh) báo cáo, tham mưu, đề

xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh huy động lực lượng, phương tiện và tài sản chữa cháy rừng.

- Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế để đưa ra quyết định huy động lực lượng, phương tiện và tài sản chữa cháy rừng phù hợp theo thẩm quyền. Việc huy động phải được thể hiện bằng lệnh huy động (theo mẫu số 7 Phụ lục I Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT. Trường hợp khẩn cấp, lệnh huy động có thể bằng lời nói, nhưng trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc phải thể hiện lệnh đó bằng văn bản. Người ra lệnh bằng lời nói phải xưng rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, đồng thời phải nêu rõ yêu cầu về người, phương tiện, tài sản cần huy động, thời gian, địa điểm tập kết.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh huy động bằng lời nói và giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường làm đầu mối thông báo truyền đạt mệnh lệnh đến các đơn vị được huy động.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã huy động lực lượng, phương tiện và tài sản thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy rừng theo trình tự như sau:

Khi xác định tình huống cháy rừng trên địa bàn quản lý cần thiết phải huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để chữa cháy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định huy động lực lượng, phương tiện và tài sản chữa cháy rừng. Việc huy động phải được thể hiện bằng lệnh huy động (theo mẫu số 7 Phụ lục I Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT. Trường hợp khẩn cấp, lệnh huy động có thể bằng lời nói, nhưng trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc phải thể hiện lệnh đó bằng văn bản; Người ra lệnh bằng lời nói phải xưng rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, đồng thời phải nêu rõ yêu cầu về người, phương tiện, tài sản cần huy động, thời gian, địa điểm tập kết.

Điều 13. Biện pháp giới hạn đám cháy, chữa cháy rừng

1. Khi xảy ra cháy rừng (điều kiện thời tiết hạn kiệt, vật liệu trong rừng khô, độ ẩm vật liệu thấp):

a) Tạo băng trắng đón đầu ngọn lửa theo cự ly phù hợp, phải hoàn thành trước khi ngọn lửa lan đến.

b) Khoảng cách của hai tuyến dọn sạch vật liệu cháy quy định như sau:

- Nếu ít gió thì khoảng cách giữa hai tuyến dọn sạch vật liệu cháy là 20 - 30 m;
- Nếu gió to thì khoảng cách giữa hai tuyến dọn sạch vật liệu cháy là 30 - 50 m.

2. Trong trường hợp có nguồn vật liệu lớn, chịu ảnh hưởng của nhiệt độ cao, nắng nóng kéo dài, gió thổi mạnh, khi chữa cháy phải làm đai cản lửa dự phòng để ngăn lửa, giảm tốc độ lan với hướng gió chính trong thời gian cháy.

3. Một số quy định khi xây dựng đường băng cản lửa.

a) Lợi dụng tối đa các đặc điểm tự nhiên như: Sông, suối, đường đông, khe, phân lô, phân khoảnh, đường giao thông nội bộ.

b) Đối với rừng đặc dụng, rừng cảnh quan không được xây dựng đường băng trắng cản lửa.

c) Đối với rừng trồng có độ dốc trên 25° không được làm đường băng trắng.

d) Đối với rừng trồng có độ dốc dưới 25° chỉ được xây dựng băng trắng trong 1 - 2 năm đầu khi chưa có điều kiện xây dựng các băng xanh cản lửa.

đ) Xây dựng các đai cây xanh phòng cháy xung quanh hoặc dọc theo các đường băng cản lửa.

e) Các đường băng cản lửa phải được khép kín.

4. Một số giải pháp áp dụng đối với chữa cháy rừng

a) Khi xảy ra cháy rừng phải huy động tối đa lực lượng, phương tiện và thiết bị, dụng cụ để chữa cháy.

b) Đối với rừng có thể đưa phương tiện cơ giới vào chữa cháy thì phải huy động tối đa phương tiện cơ giới để chữa cháy.

c) Đối với rừng mà phương tiện cơ giới chữa cháy không thể tiếp cận được thì phải huy động tối đa lực lượng và các phương tiện khác để chữa cháy.

d) Tạo đường băng cản lửa, khoanh vùng cô lập đám cháy.

đ) Áp dụng "biện pháp đốt trước có kiểm soát" để chữa cháy khi có đủ điều kiện cho phép.

e) Đào kênh, mương, rãnh để chống cháy ngầm và chữa cháy khi cần thiết.

g) Các biện pháp chữa cháy khác.

Điều 14. An toàn lao động khi chữa cháy rừng

Khi chữa cháy rừng phải thực hiện đảm bảo an toàn cho lực lượng và phương tiện, thiết bị tham gia chữa cháy; chuẩn bị đủ nước uống, bông, băng, thuốc bông, cáng và các dụng cụ cấp cứu khác. Trường hợp bị thương phải sơ cứu và đưa đi cấp cứu kịp thời. Nếu bị thương nặng hoặc tử vong phải tiến hành khai báo, điều tra, lập biên bản theo quy định của pháp luật để có cơ sở giải quyết chính sách, chế độ cho người bị tai nạn.

Chương IV

CHÍNH SÁCH VÀ KINH PHÍ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 15. Chính sách đối với người trực cháy và người tham gia chữa cháy rừng

1. Chính sách đối với người trực cháy và người tham gia chữa cháy rừng dựa trên nguyên tắc, cấp nào huy động thì cấp đó đảm bảo chi trả.

2. Đối với người được huy động tham gia chữa cháy rừng theo lệnh huy động của người có thẩm quyền được bồi dưỡng bằng tiền. Thực hiện theo quy

định tại Điều 20 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp và các quy định hiện hành có ưu đãi cao hơn có liên quan đến chính sách chữa cháy rừng tại thời điểm áp dụng.

3. Người tham gia chữa cháy rừng mà hy sinh, bị thương, bị tổn hại sức khỏe thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật. Kinh phí bồi thường thiệt hại được cấp từ ngân sách nhà nước.

4. Phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được huy động để phục vụ chữa cháy rừng được hoàn trả sau khi chữa cháy; trường hợp phương tiện, tài sản bị mất mát, hư hỏng, nhà, công trình bị phá dỡ, diện tích rừng bị chặt hạ thì được bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Kinh phí phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng

1. Kinh phí cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng được thực hiện theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Kinh phí bảo đảm các hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng của lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn, lực lượng Kiểm lâm, các đơn vị kiêm nhiệm của Quân đội, các chủ rừng là cơ quan, tổ chức thụ hưởng ngân sách nhà nước và các địa phương được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3. Các chủ rừng không thụ hưởng ngân sách nhà nước tự bảo đảm kinh phí cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định pháp luật.

Chương V KHEN THƯỞNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng hoặc có công phát hiện, ngăn chặn những hành vi phá hoại, khắc phục và hạn chế những thiệt hại do cháy rừng gây ra sẽ được khen thưởng theo quy định. Đặc biệt chú trọng khen thưởng đột xuất những tập thể, cá nhân có thành

tích trong thực thi công việc những vụ hỏa hoạn lớn, phức tạp.

2. Xử lý vi phạm

Người đứng đầu địa phương, đơn vị và chủ rừng chịu trách nhiệm trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng nếu để rừng bị cháy (trong địa giới quản lý) do không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo Quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền đến người dân, các chủ rừng Quyết định này.

b) Hướng dẫn việc lập các phương án, dự án về phòng cháy, chữa cháy rừng theo thẩm quyền và chức năng nhiệm vụ được giao.

c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong phòng cháy, chữa cháy rừng ở địa phương; việc phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong phòng cháy, chữa cháy rừng.

d) Tổng hợp kinh phí phòng, chữa cháy rừng của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

đ) Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm: Kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng của chủ rừng; phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan, chính quyền cấp xã tổ chức thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định; đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng và các hoạt động liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; tuyên truyền về phòng cháy, chữa cháy rừng cho tổ chức, cá nhân; hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng; kịp thời báo cáo thông tin dự báo, cảnh báo cháy rừng đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có rừng; thông tin cấp dự báo cháy rừng đến các cơ quan, đơn vị có liên quan khi cấp dự báo cháy rừng từ cấp IV trở lên; quản lý hoạt động của các đơn vị phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc phạm vi quản lý của mình; chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy rừng chuyên ngành; lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng và lực lượng bảo vệ rừng ở cơ sở.

e) Có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện, ban hành các quy định theo thẩm quyền về đảm bảo an toàn trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc phạm vi quản lý.

g) Tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện hàng năm vào trước ngày 20/12 hàng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

2. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, chỉ đạo đơn vị trực thuộc phối hợp với Chi cục Kiểm lâm, đơn vị Quân đội, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan thực hiện biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với hành vi gây cháy rừng; xác định nguyên nhân các vụ cháy rừng theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Hướng dẫn việc xây dựng, thực tập phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; tham gia thẩm duyệt dự án, thiết kế và phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy; hướng dẫn mua sắm, trang bị các phương tiện chuyên dùng về phòng cháy, chữa cháy rừng; kiểm tra hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng của các chủ rừng; tham gia cứu chữa các vụ cháy rừng và chỉ huy việc chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật;

- Bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ điều tra hình sự cho cán bộ chuyên trách làm công tác điều tra, xử lý các vụ vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng;

- Phát hiện, tiếp nhận điều tra, xử lý các vụ vi phạm trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng; định kỳ hoặc đột xuất thông báo với Sở Nông nghiệp và Môi trường những thông tin có liên quan trực tiếp đến chức năng quản lý và bảo vệ rừng, tình hình tội phạm, kết quả điều tra và xử lý các vụ án.

3. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

a) Tổ chức trực tổng đài 112 trong suốt 24/7, tiếp nhận/tổng hợp tin; thông báo đến Sở Nông nghiệp và Môi trường và tham mưu Trưởng ban Chỉ huy quyết định huy động.

b) Giáo dục cán bộ, chiến sĩ nắm vững và chấp hành nghiêm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng. Các đơn vị đóng quân trong rừng, gần rừng phối hợp với lực lượng Kiểm lâm, chính quyền địa phương tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; chấp hành nghiêm quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng ở nơi đóng quân.

c) Chỉ đạo các đơn vị đóng quân trong rừng, gần rừng phải xây dựng kế hoạch, quy chế phối hợp trong huy động lực lượng, phương tiện phòng cháy, chữa cháy rừng; tham gia tuần tra và sẵn sàng ứng cứu khi có trường hợp xảy ra cháy rừng theo lệnh huy động của người có thẩm quyền theo quy định.

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, xử lý kịp thời đối với những đơn vị, chiến sĩ vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng.

đ) Lực lượng Quân đội có trách nhiệm phối hợp với lực lượng Kiểm lâm trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

4. Sở Y tế

Có trách nhiệm bố trí xe cấp cứu, dụng cụ, thuốc y tế cần thiết và lực lượng phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc đảm bảo y tế khi

được lệnh huy động của người có thẩm quyền theo quy định.

5. Sở Tài chính

Chủ trì thẩm định nguồn kinh phí đầu tư, sự nghiệp phục vụ các hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật và khả năng ngân sách của địa phương; lồng ghép các hạng mục phòng cháy, chữa cháy rừng vào các công trình, dự án để thực hiện đồng bộ, có hiệu quả.

6. Báo và Phát thanh, truyền hình Quảng Ninh

a) Tổ chức tuyên truyền quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng; phổ biến kiến thức về phòng cháy, chữa cháy rừng.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về phòng cháy, chữa cháy rừng; thông báo kịp thời các bản tin cấp dự báo cháy rừng.

7. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo, chỉ huy toàn diện hoạt động chữa cháy rừng theo thẩm quyền quy định tại khoản 8 Điều 13 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan; Đồng thời trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã tổ chức thực hiện.

b) Ban hành phương án phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc phạm vi và trách nhiệm quản lý.

c) Tổ chức kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy rừng theo chế độ định kỳ và đột xuất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 50 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.

d) Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng, xây dựng phong trào quần chúng tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng; hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng; huy động các lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng và chỉ huy chữa cháy rừng trên địa bàn.

đ) Đầu tư ngân sách cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng; trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy rừng; chỉ đạo, tổ chức các chính sách, chế độ của Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy rừng trong phạm vi địa phương mình.

e) Quyết định cấp kinh phí từ nguồn ngân sách của địa phương và nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để xử lý các nhu cầu kinh phí

cho chữa cháy rừng trên địa bàn ngoài dự toán chi hàng năm đã được phê duyệt.

g) Thống kê, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) về tình hình phòng cháy, chữa cháy rừng trong phạm vi địa phương quản lý.

8. Chủ rừng

Thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng; chịu trách nhiệm nếu để rừng trong phạm vi quản lý bị cháy.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn vướng mắc hoặc chưa phù hợp với tình hình thực tế, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan cần phản ánh, kiến nghị đến Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; trường hợp nội dung phát sinh chưa được quy định thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành./.